

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 97/2021/HNGĐ-ST

Ngày 04 - 6 - 2021

V/v chị Th xin ly hôn anh Ngh

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng

2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020. Về việc tranh chấp xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Đội 7 Đồng Lạc, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Lưu Văn Ngh - Sinh năm 1977

Địa chỉ: Đội 7 Đồng Lạc, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị Th, vắng mặt anh Ngh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 18/11/2020 cũng như lời khai của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Lưu Văn Ngh vào tháng 11/2000, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn, chị và anh Ngh chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2008 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống và anh

Ngh hay ghen tương vô cớ nên vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Ngh không được cải thiện. Từ tháng 02/2020 đến nay chị và anh Ngh sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Ngh không còn nên chị xin được ly hôn anh Lưu Văn Ngh. Về con chung giữa chị và anh Lưu Văn Ngh có ba con chung là Lưu Thành Đ sinh ngày 10/11/2001, Lưu Thị Thủy Ng sinh ngày 01/08/2004 và Lưu Quỳnh A sinh ngày 26/08/2013, hiện cháu Ng và cháu A đang do chị nuôi dưỡng. Cháu Lưu Thành Đ đã trưởng thành sống tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng cháu Đ. Nay chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng, cháu A và chị không yêu cầu anh Ngh phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị. Về tài sản chung giữa chị và anh Ngh thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí, chị đề Ngh giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Lưu Văn Ngh vắng mặt và không có lời khai nhưng có lời khai của bà Lưu Thị C là mẹ đẻ anh Lưu Văn Ngh trình bày, anh Ngh có biết việc chị Nguyễn Thị Th xin ly hôn anh Ngh nhưng anh Ngh là gia đình công giáo nên không ly hôn, không nhận giấy tờ Tòa án tổng đạt và anh Ngh không cho gia đình bà nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho anh Ngh. Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề Ngh Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình: xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Lưu Văn Ngh. Về con chung: Giao cháu Lưu Thị Thủy Ng sinh ngày 01/8/2004 và cháu Lưu Quỳnh A sinh ngày 26/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lưu Văn Ngh không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị Nguyễn Thị Th. Về án phí, đề Ngh tuyên chị Th phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th và anh Lưu Văn Ngh đều cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N, nay chị Th xin ly hôn anh Ngh và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết cũng như tại

phiên tòa, anh Lưu Văn Ngh vắng mặt nhưng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Ngh và tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho anh Ngh nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ngh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Lưu Văn Ngh được tổ chức kết hôn vào tháng 11/2000, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Lạc, là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị Th và anh Ngh chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2008 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do hai bên không hợp tính nhau nên trong cuộc sống thường xảy ra cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh Ngh không được cải thiện. Từ tháng 2/2020 đến nay chị Th và anh Ngh sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Ngh đã kéo dài và ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị Th xin được ly hôn anh Ngh nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Lưu Văn Ngh có ba con chung là Lưu Thành Đ sinh ngày 10/11/2001; Lưu Thị Thủy Ng sinh ngày 01/08/2004 và Lưu Quỳnh A sinh ngày 26/08/2013. Hiện cháu Lưu Thành Đ đã trưởng thành, sống tự lập được và chị Th không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng cháu Đ nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nay chị Th xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng, cháu A và không yêu cầu anh Ngh phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị. Phía anh Ngh vắng mặt trong quá trình giải quyết và không có ý kiến gì về việc giải quyết nuôi dưỡng con chung. Thấy hiện tại chị Th đang bảo đảm tốt việc nuôi dưỡng các con chung và nguyện vọng của các cháu xin được ở cùng chị Th nên tiếp tục giao cháu Ng và cháu A cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, thấy phía chị Th tự nguyện không yêu cầu anh Ngh phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị Th nên chấp nhận đề nghị của chị Th là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu giải quyết về tài sản chung giữa chị Th và anh Lưu Văn Ngh nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ các Điều 6; 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Lưu Văn Ngh.

2- Về con chung: Giao cháu Lưu Thị Thủy Ng sinh ngày 01/8/2004 và cháu Lưu Quỳnh Anh sinh ngày 26/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Lưu Thị Thủy Ng và cháu Lưu Quỳnh A đang do chị Nguyễn Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng). Anh Lưu Văn Ngh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Th đối với cháu Lưu Thị Thủy Ng và cháu Lưu Quỳnh A. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3- Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0001826 ngày 26/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Nguyễn Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Th, vắng mặt anh Ngh. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKS huyện N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Văn Rạng Đàm Văn Kiều Trần Xuân Dũng

